

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về nhiệm vụ và gói thầu

- Tên nhiệm vụ: Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn đến năm 2025.

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: “Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn đến năm 2025”.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu

Việc tuyển chọn nhà thầu tư vấn nhằm chọn nhà thầu có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dịch vụ Gói thầu số 01: “Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn đến năm 2025”; thực hiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng thời gian và tiến độ yêu cầu, có chi phí hợp lý và đáp ứng các yêu cầu theo quy định hiện hành.

Công bố được các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước (lần đầu) giai đoạn đến 2025 trên các lưu vực sông nội tỉnh trên cơ sở thông tin, số liệu kiểm kê được thực hiện chính xác, đồng bộ, đúng thời gian. Các số liệu kiểm kê về tài nguyên nước, khai thác sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước là số liệu quan trọng phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước, điều hòa, phân bổ tài nguyên nước; làm cơ sở để lập, điều chỉnh kế hoạch khai thác sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, hướng tới việc đảm bảo an ninh tài nguyên nước, phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực tài nguyên nước

- Mục tiêu cụ thể:

+ Kiểm kê các chỉ tiêu về số lượng nguồn nước mặt, chất lượng nước mặt, khai thác sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước đối với nguồn nước mặt nội tỉnh (thuộc các lưu vực sông nội tỉnh độc lập và lưu vực sông nội tỉnh thuộc lưu vực sông liên tỉnh), lượng nước mặt đối với lưu vực sông nội tỉnh độc lập.

- Tổng hợp kết quả cập nhật dữ liệu kiểm kê vào phần mềm kiểm kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nếu có).

II. Phạm vi công việc:

1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian, tiến độ thực hiện.

- Phạm vi công việc: Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn đến năm 2025.

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh năm 2025-2026.
- Chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước.
- Thời gian, tiến độ thực hiện hợp đồng: Trong vòng 05 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hoặc hoàn thành trước 30/06/2026 (*tùy thuộc vào điều kiện nào đến trước*).
- Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn.

2.1. Đối tượng và phạm vi thực hiện

Căn cứ theo điểm b, khoản 5, Điều 2 Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025, việc thực hiện kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh được thực hiện trên phạm vi và đối tượng cụ thể như sau:

- Về phạm vi: trên địa bàn tỉnh Sơn La (theo xã, tỉnh và lưu vực sông);
- Về đối tượng: nguồn nước mặt nội tỉnh (các sông, suối, hồ, ao); các công trình khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước trên phạm vi toàn tỉnh.

2.2. Nội dung thực hiện

- Thu thập, kế thừa các thông tin, số liệu liên quan đến chỉ tiêu kiểm kê từ giai đoạn trước và trong kỳ kiểm kê;
- Kiểm kê Chỉ tiêu số lượng nguồn nước mặt;
- Kiểm kê Chỉ tiêu khai thác, sử dụng nước mặt;
- Kiểm kê Chỉ tiêu xả nước thải vào nguồn nước;
- Tổng hợp kết quả kiểm kê và gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cập nhật vào phần mềm kiểm kê của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.3. Phương pháp thực hiện

- Phương pháp kế thừa: Tiếp cận đối tượng nghiên cứu, tiếp cận hệ thống và tiếp cận công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến. Kế thừa các kết quả nghiên cứu có liên quan đến nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ.

- Phương pháp nghiên cứu hiện trường và điều tra khảo sát thực địa: Khảo sát, điều tra các nguồn nước hiện có.

- Phương pháp thu thập, thống kê, phân tích tài liệu: Thu thập các tài liệu địa hình, thủy văn, làm cơ sở cho việc lập nhiệm vụ.

- Phương pháp tính toán thủy văn: Sử dụng các phương pháp tính toán thủy văn để xác định phạm vi diện tích lưu vực.

- Phương pháp kinh nghiệm: Sử dụng các công thức kinh nghiệm trong tính toán, đánh giá giải quyết vấn đề.

- Phương pháp GIS: Số hóa và thành lập các bản đồ chuyên môn, chồng ghép, phân tích các bản đồ chuyên môn phục vụ việc mô tả, trình bày kết quả một cách trực quan để tiếp cận nội dung.

- Phương pháp chuyên gia và tiếp cận cộng đồng: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến đóng góp của các nhà chuyên môn, nhà quản lý và ý kiến đánh giá của cộng đồng địa phương.

2.4. Khối lượng công việc cụ thể:

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Thu thập, kế thừa các thông tin, số liệu liên quan đến chỉ tiêu kiểm kê, điều tra cơ bản từ các giai đoạn trước và trong kỳ kiểm kê	Gói	1
a	Thu thập, kế thừa các thông tin, số liệu liên quan đến chỉ tiêu kiểm kê, điều tra cơ bản từ các giai đoạn trước và trong kỳ kiểm kê	100km ²	53,75
2	Kiểm kê Chỉ tiêu số lượng nguồn nước mặt	Gói	1
2.1	Chỉ tiêu kiểm kê số lượng nguồn nước mặt nội tỉnh gồm sông, suối		
b7	Chuẩn bị nội dung thông tin và biên tập các bản đồ	100km ²	53,75
2.2	Chỉ tiêu kiểm kê số lượng nguồn nước mặt nội tỉnh gồm hồ, ao nội tỉnh		
b1	Chuẩn bị	100km ²	53,75
b2	Điều tra thực địa cập nhật bổ sung danh mục ao hồ không được san lấp	100km ²	53,75
b3	Tổng hợp, chỉnh lý, hoàn thiện kết quả điều tra thực địa và giao nộp sản phẩm	100km ²	53,75
b4	Thu thập, rà soát thông tin, dữ liệu và triển khai công tác thực địa cập nhật bổ sung danh mục ao hồ không được san lấp	100km ²	53,75
b5	Tổng hợp, chỉnh lý, xử lý thông tin, dữ liệu thu thập và kết quả điều tra thực địa theo các nội dung đánh giá	100km ²	53,75
b6	Phân tích, đánh giá xác định danh mục ao hồ không được san lấp	100km ²	53,75
b7	Chuẩn bị nội dung thông tin và biên tập các bản đồ	100km ²	53,75
2.3	Tổng hợp, xây dựng các báo cáo kết quả Kiểm kê Chỉ tiêu số lượng nguồn nước mặt	100km ²	53,75
3	Kiểm kê Chỉ tiêu khai thác, sử dụng nước mặt	Gói	1
3.1	Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt phục vụ kiểm kê các chỉ tiêu tài nguyên nước ngoài thực địa		
a	Chuẩn bị	100km ²	53,75

b	Tiến hành điều tra thực địa	100km ²	53,75
c	Tổng hợp, chỉnh lý, hoàn thiện kết quả điều tra thực địa và giao nộp sản phẩm	100km ²	53,75
3.2	Tổng hợp, xây dựng các báo cáo kết quả Kiểm kê Chi tiêu khai thác, sử dụng nước mặt	100km ²	53,75
4	Kiểm kê Chỉ tiêu xả nước thải vào nguồn nước	Gói	1
4.1	Điều tra hiện trạng xả thải vào nguồn nước phục vụ kiểm kê các chỉ tiêu tài nguyên nước ngoài thực địa		
a	Chuẩn bị	100km ²	53,75
b	Tiến hành điều tra thực địa	100km ²	53,75
c	Tổng hợp, chỉnh lý, hoàn thiện kết quả điều tra thực địa và giao nộp sản phẩm	100km ²	53,75
4.2	Tổng hợp, xây dựng các báo cáo kết quả Kiểm kê Chi tiêu xả nước thải vào nguồn nước	100km ²	53,75
5	Báo cáo tổng kết nhiệm vụ	Gói	1
6	Cập nhật dữ liệu kiểm kê vào phần mềm kiểm kê của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Gói	1
6.1	Cập nhật dữ liệu kiểm kê vào phần mềm kiểm kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường	100km ²	141,09

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Ngay sau khi Hợp đồng có hiệu lực.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Sản phẩm giao nộp

tỉnh Sơn La giai đoạn đến năm 2025”.

- Các báo cáo chuyên đề:

+ Báo cáo kết quả Kiểm kê, đánh giá chỉ tiêu tài nguyên nước mặt trên địa bàn tỉnh Sơn La;

+ Báo cáo kết quả Kiểm kê, đánh giá chỉ tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt trên địa bàn tỉnh Sơn La;

+ Báo cáo kết quả kiểm kê, đánh giá chỉ tiêu xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- USB lưu trữ toàn bộ báo cáo, thông tin, dữ liệu.

2. Thời gian thực hiện: Trong vòng 05 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hoặc hoàn thành trước 30/06/2026 (tùy thuộc vào điều kiện nào đến trước).

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện gói thầu/nhiệm vụ có tính chất tương tự Quy hoạch tài nguyên nước/ lập danh mục nguồn nước/ lập hành lang bảo vệ nguồn nước/ Kiểm kê tài nguyên nước/ Điều tra hiện trạng khai thác sử

dụng nguồn nước/ Điều tra hiện trạng xả thải vào nguồn nước/ tài nguyên nước. quy định tại chương III: “Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT”.

Nhà thầu phải bố trí nhân sự đảm bảo đạt yêu cầu các vị trí nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đã đề xuất phù hợp với yêu cầu tại Chương III “Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT” để thực hiện gói thầu đạt chất lượng, tiến độ theo đúng các quy định hiện hành.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Chủ đầu tư sẽ cung cấp tài liệu hiện có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.